TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST
Ngày 14/ 3/ 2017
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga;

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và ông Vũ Đình Binh;

+ Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ.

+ Đại diện VKSND huyện Phù Cừ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2016/TLST-HNGĐ, ngày 02/12/2016 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/02/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Bùi Xuân N, sinh năm 1992;

Đăng ký HKTT: Thôn AN, xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên;

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 27, Phân trại 1, Trại giam Nam Hà, Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Bộ Công an (*xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam*).

Tại phiên tòa, có mặt chị H. Anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Xuân N, sinh năm 1992 quê ở Thôn An, xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên tự quen biết và có thời gian tìm hiểu khoảng 03 tháng thì đi đến hôn nhân. Chị và anh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC ngày 15/8/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh N sinh sống với gia đình một thời gian thì vợ chồng sang thành phố PL thuê quán bán hàng. Sau một thời gian làm ăn không có hiệu quả nên vợ chồng chị lại về ĐC sinh sống, chị làm công nhân may còn anh N ở nhà. Do không có việc làm nên anh N thường xuyên đi chơi với người xấu, có dấu hiệu sử dụng ma túy đá, bỏ qua mọi lời khuyên của chị và gia

đình. Tháng 5/2014 anh N vi phạm pháp luật và bị Tòa án hai cấp thành phố HN xử phạt 4 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện anh N đang chấp hành án tại Đội 27, Phân trại 1, Trại giam Nam Hà, Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Bộ Công an. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, sống không có hạnh phúc và thời gian tới anh N cũng không thể đem lại được hạnh phúc cho cuộc sống gia đình nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Bị đơn anh Bùi Xuân N trình bày: Anh và chị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐC. Quá trình chung sống giữa anh và chị H không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, nhưng do anh vi phạm pháp luật và đang phải chấp hành án, anh không thể đem lại hạnh phúc cho chị H nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu, nguyện vọng của chị H để giải phóng cho chị H tìm hạnh phúc mới.

Về con chung: Chị H và anh N đều khẳng định anh, chị chưa có con chung, chị H chưa lần nào mang thai với anh N nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy: Chị H và anh N đều xác định anh, chị không có tài sản chung, không vay nợ ai tài sản gì, không có công sức gì với hai bên gia đình, không được giao đất nông nghiệp, chị H và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh N. Anh N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Việc Thẩm phán không gửi Thông báo kết quả phiên họp cho anh N vi phạm khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự cần rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để giải quyết theo hướng:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, chị H và anh N được ly hôn.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Bùi Xuân N có quê quán và đăng ký HKTT tại: Thôn An, xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên hiện đang thi hành án tại: Đội 27, Phân trại 1, Trại giam Nam Hà, Tổng cục cảnh sát thi hành án hình

sự và hỗ trợ tư pháp, Bộ Công an. Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Anh N đã có bản tự khai thể hiện quan điểm giải quyết vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N kết hôn với nhau tự nguyện, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐC, huyện PC, tỉnh Hưng Yên ngày 15/8/2012, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp. Chị H và anh N đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Do anh N không có việc làm, chơi bời với người xấu và từ tháng 5 năm 2014 anh N vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân hai cấp thành phố HN xử phạt 04 năm tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Hiện anh N đang thi hành án phạt tù tại Đội 27, Phân trại 1, Trại giam Nam Hà, Tổng cục cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Bộ Công an. Chị H có đến thăm nuôi anh N một lần. Chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh N không còn, sống không có hạnh phúc, chị xin được ly hôn anh N. Anh N nhất trí giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H. Xét thấy chị H và anh N đã sống ly thân, cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tự nguyện ly hôn. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ ghi nhận và áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh quan hệ hôn nhân này, giải phóng cho chị H và anh N sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Chị H và anh N đều khẳng định anh, chị chưa có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy: Chị H và anh N đều khẳng định không có vướng mắc, tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 8 điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ về việc giải quyết vụ án, nêu ra việc Thẩm phán không gửi Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ cho bị đơn vắng mặt là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận, Thẩm phán rút kinh nghiệm trong quá trình giải quyết án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

*** Tuyên xử:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Xuân N.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Xuân N không có con chung.

- *Về tài sản, công sức, nợ, ruộng cấy*: Chị H và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu số 005368, ngày 02/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

- *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo của chị H tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; thời hạn kháng cáo của anh N tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã ĐC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Vũ Thị Nga